

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST
Ngày: 29-9-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Lững

2. Ông Phạm Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 24, 27, 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 12/7/2021, các Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-DS ngày 05/8/2021 và số 11/2021/QĐST-DS ngày 17/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H

Địa chỉ: 54 đường N, phường L, Quận Đ, Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Đình H, sinh năm 1990; địa chỉ: 76A đường Q, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Ông Nguyễn Trọng N; địa chỉ: Tầng 2, 70 đường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Tầng 27, tòa nhà TNR, 54A đường N, phường L, quận Đ, Hà Nội. Ông H có mặt, ông N, bà V vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L

Địa chỉ: Tổ 13, thôn P, xã A, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị T; Địa chỉ: Tổ 13, thôn P, xã A, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP H (do ông Võ Đình H đại diện) trình bày:

Ngày 08/12/2015, ông Nguyễn Văn L và Ngân hàng TMCP H – chi nhánh N – Phòng giao dịch N đã ký hợp đồng cho vay số 112/2015/HĐCV và Khế ước nhận nợ số 112/2015/CVCN. Theo đó, ngân hàng H đồng ý cho ông L vay số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) với mục đích sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 08/12/2015 đến ngày 08/12/2020), lãi suất cho vay: 18%/năm, tính trên dư nợ thực tế và được điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Phương thức tính lãi: Tiền lãi được tính trên cơ sở dư nợ gốc giảm dần và số ngày vay thực tế, trên cơ sở một năm có 360 ngày, một tháng có 30 ngày. Số kỳ trả nợ: 60 kỳ; ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 08/01/2016; các kỳ trả nợ tiếp theo được trả 01 tháng/lần vào ngày 08 hàng tháng; số tiền phải trả mỗi kỳ là 3.047.211đ. Kỳ cuối trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại. Khoản vay không được bảo đảm bằng tài sản.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đã thanh toán cho ngân hàng H tổng số tiền 36.109.618đ, trong đó, nợ gốc: 16.842.467đ, lãi trong hạn: 19.179.643đ và lãi quá hạn: 87.508đ. Từ ngày 11/7/2017, ông Long không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết mặc dù ngân hàng H đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nên ngân hàng H đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 11/7/2017.

Tính đến ngày 23/9/2021, ông L còn nợ ngân hàng H tổng số tiền là: 215.356.898đ, trong đó, nợ gốc: 103.157.533đ, nợ lãi trong hạn: 92.371.999đ, nợ lãi quá hạn: 19.827.366đ.

Nay, Ngân hàng H yêu cầu ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ nêu trên và các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Ông L xác nhận số tiền ông đã trả và số tiền còn nợ tại ngân hàng H đúng như đại diện ngân hàng đã trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông bị bệnh và thất nghiệp nên không có tiền để trả nợ, dẫn đến việc vi phạm hợp đồng. Nay, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông đề nghị ngân hàng xem xét miễn toàn bộ nợ lãi và cho ông được trả dần nợ gốc mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi trả hết nợ.

Trước đây, ông có vay tiền tại Công ty P, Công ty T và các cá nhân khác (mục đích vay để đầu tư vào kinh doanh đĩa hát CD, DVD và chăn nuôi gà của riêng cá nhân ông), đến hạn, ông không có khả năng thanh toán nên ông muốn vay tiền tại ngân hàng H để trả các khoản nợ này. Tuy nhiên, ngân hàng H đặt ra điều kiện để được giải ngân là ông phải tắt toán các khoản nợ tại Công ty P và Công ty T. Do đó, để được ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng H, ông đã tạm vay tiền từ các cá nhân khác để tắt toán 02 khoản nợ tại hai công ty tài chính trên

theo yêu cầu của ngân hàng H. Sau khi được ngân hàng H giải ngân, ông dùng số tiền này để trả lại cho các cá nhân mà ông đã vay nêu trên và một số cá nhân khác mà ông đã vay mượn trước đó. Do đó, tại hợp đồng tín dụng ghi mục đích vay là để sửa chữa nhà ở nhưng thực tế ông đã không dùng tiền đúng mục đích như đã cam kết.

Vợ ông là bà Hoàng Thị T không ký hợp đồng vay tiền và không biết việc ông vay mượn tiền của các tổ chức, cá nhân nêu trên. Do hai vợ chồng ông có mâu thuẫn nên từ lâu đã mạnh ai nấy sống, mỗi người tự chi tiêu riêng. Các khoản tiền vay và thu nhập hàng tháng, ông đều tự tiêu xài cho cá nhân, không liên quan đến gia đình và bà T. Do đó, ông xác định ông tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ của ông tại ngân hàng H, ông không yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông trả khoản nợ tại ngân hàng H.

- *Tại bản tự khai ngày 21/9/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T trình bày:*

Bà T xác định bà là vợ của ông Nguyễn Văn L, hiện nay, quan hệ hôn nhân giữa bà và ông L vẫn còn tồn tại. Bà không biết việc ông L ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng H vào năm 2015 để vay số tiền bao nhiêu, mục đích vay để làm gì. Thực tế, từ năm 2015 đến nay, gia đình bà không có việc sửa chữa nhà ở, căn nhà mà gia đình bà đang sử dụng được xây dựng từ khoảng năm 2004-2005, đến nay chưa được sửa chữa gì. Trước đây, ông L có vay nợ Ngân hàng hay cá nhân nào, bà cũng không biết vì ông L không đưa tiền thu nhập hàng tháng hay khoản tiền nào khác cho bà. Toàn bộ chi phí các khoản chi tiêu trong gia đình do bà tự bỏ tiền ra để trang trải. Do đó, bà không đồng ý liên đới trả khoản nợ của ông L tại ngân hàng H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến của mình như đã trình bày trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng H số tiền 215.356.898 đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/9/2021 theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận theo đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Tổ 13, thôn P, xã A, huyện D, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị T vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ:

Xét thấy: Hợp đồng cho vay số 112/2015/HĐCV và Khế ước nhận nợ số 112/2015/CVCN cùng ngày 08/12/2015 được lập giữa Ngân hàng H và ông Nguyễn Văn L trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo thỏa thuận giữa hai bên, khoản nợ gốc 120.000.000đ của ông L được trả trong 60 kỳ; ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 08/01/2016; các kỳ trả nợ tiếp theo được trả 01 tháng/lần vào ngày 08 hàng tháng; số tiền phải trả mỗi kỳ là 3.047.211 đồng. Kỳ cuối trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 08/12/2015 đến ngày 11/7/2017, ông L mới chỉ thanh toán cho ngân hàng H số tiền 36.109.618đ, trong đó, nợ gốc: 16.842.467đ, lãi trong hạn: 19.179.643đ và lãi quá hạn: 87.508đ. Từ ngày 11/7/2017 đến nay, ông L dừng thanh toán số nợ còn lại cho ngân hàng H nên đã vi phạm thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng cho vay 112/2015/HĐCV và Khế ước nhận nợ số 112/2015/CVCN cùng ngày 08/12/2015, ngân hàng H đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn kể từ ngày 11/7/2017.

Các Bảng kê tính dư nợ do nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa, thể hiện tính đến ngày 23/9/2021 dư nợ của ông L tại ngân hàng H là 215.356.898đ, trong đó nợ gốc: 103.157.533đ, nợ lãi trong hạn: 92.371.999đ, nợ lãi quá hạn: 19.827.366đ là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận tại Điều 2 Hợp cho vay 112/2015/HĐCV và Khế ước nhận nợ số 112/2015/CVCN cùng ngày 08/12/2015.

Như vậy, việc ông Nguyễn Văn L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay, tiền lãi đúng hạn cho ngân hàng H là vi phạm các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của ngân hàng H. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông L phải trả số tiền nêu trên và khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 24/9/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao nên cần được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Nguyễn Văn L trả nợ:

Căn cứ lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định được ông Nguyễn Văn và bà Hoàng Thị T là vợ chồng hợp pháp. Hiện nay, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà T vẫn còn tồn tại. Tại Hợp đồng cho vay số 112/2015/HĐCV và Khế ước nhận nợ số 112/2015/CVCN cùng ngày 08/12/2015 chỉ có một mình ông L ký để vay tiền, bà T không tham gia ký kết các giao dịch.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn căn cứ vào mục đích vay vốn là để sửa chữa nhà ở (phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình) nên bà T dù không ký hợp đồng cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông L trả khoản nợ của ông L tại ngân hàng H theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, lời khai của ông L và bà T đều xác định từ năm 2015 đến nay, gia đình ông bà không có việc sửa chữa nhà ở. Phía nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thừa nhận, sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngân hàng H không trực tiếp xuống thực địa, không yêu cầu khách hàng chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn nên không nắm được trên thực tế khách hàng dùng vốn vay đúng mục đích vay vốn hay không. Đây là lỗi của nguyên đơn trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng tiền vay theo quy định tại Điều 94 của Luật các tổ chức tín dụng.

Lời khai của ông L và bà T đều xác định việc ông L vay tiền tại ngân hàng H, Công ty P, Công ty T và cá nhân khác, bà T không biết, không sử dụng nguồn tiền do ông L vay và bà T cũng không hưởng lợi từ việc kinh doanh riêng của ông L. Toàn bộ thu nhập từ việc kinh doanh và chăn nuôi trên, ông L đều tự tiêu xài cho nhu cầu của riêng cá nhân ông L, không liên quan gì đến bà T. Mặt khác, ông L và bà T đều cho rằng mặc dù hiện nay quan hệ vợ chồng giữa ông bà vẫn tồn tại nhưng do có mâu thuẫn về tình cảm nên trong quá trình sống chung, vợ chồng ông bà mạnh ai nấy sống, hai người không sử dụng chung nguồn tài chính, mỗi người tự chi tiêu riêng. Ông L không đóng góp gì vào việc chăm sóc con cái, trang trải cuộc sống gia đình, tất cả mọi chi phí chi tiêu trong gia đình đều do một mình bà T bỏ ra. Ông L xác định ông tự chịu trách nhiệm đối với khoản nợ của ông tại ngân hàng H còn bà T từ chối nghĩa vụ liên đới cùng ông L trả nợ theo yêu cầu của ngân hàng H.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định ông L đã sử dụng vốn vay sai mục đích vay vốn. Việc ông L vay tiền tại ngân hàng H, Công ty P, Công ty T và cá nhân khác chỉ để phục vụ nhu cầu, mục đích riêng của cá nhân ông L, không phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà T hoàn toàn không biết, không hưởng lợi, sử dụng các nguồn tiền vay riêng này của ông L. Vì vậy, không có căn cứ để buộc bà T phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông L trả khoản nợ tại ngân hàng H theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3] Xét đề xuất của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tại phiên tòa về việc buộc bà Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Long trả nợ tại ngân hàng H là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu của ông L xin được miễn toàn bộ nợ lãi và trả dần nợ gốc mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi trả hết nợ do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng không được Ngân hàng H đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định là 10.768.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 122, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L.

Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả cho Ngân hàng H số tiền (tạm tính đến ngày 23/9/2021) là: 215.356.898đ (*Hai trăm mười lăm triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm chín tám đồng*), trong đó, nợ gốc: 103.157.533đ (*Một trăm linh ba triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng*), nợ lãi trong hạn: 92.371.999đ (*Chín mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng*), nợ lãi quá hạn: 19.827.366đ (*Mười chín triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng*).

Ông Nguyễn Văn L phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 24/9/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng H theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 112/2015/HĐCV và Khế ước nhận nợ số 112/2015/CVCN cùng ngày 08/12/2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Văn L trả khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng H.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 10.768.000đ (*Mười triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.566.960đ (*Bốn triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi đồng*) theo biên lai thu số

AA/2019/0001913 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Thị Mai